

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1064/BCH-HC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang đã họp ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại Số 142 Trần Hưng Đạo, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

1.3. Mã số thuế: 160745246.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Vị trí dự án thuộc đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trực đô thị Châu Đốc – Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, được giới hạn phạm vi như sau:

- + Phía Tây Bắc tiếp giáp nương thủy lợi;
- + Phía Đông Nam tiếp giáp đường Tân Lộ Kiều Lương;
- + Đông Bắc tiếp giáp Khu biệt thự vườn;
- + Tây Nam tiếp giáp với đất nông nghiệp.

- Quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích sử dụng đất là 77.127 m², bao gồm diện tích đất ở là 37.588,7 m²; đất công trình công cộng là 6.495,0 m² (trong đó đất trường học (nhà trẻ, mẫu giáo) là 1.575,6 m²; đất thương mại, dịch vụ là 4.919,4 m²); đất trạm xử lý nước thải là 564,9 m², đất công viên cây xanh là 3.395,5 m²; đất taluy là 1.379,9 m² và đất giao thông là 27.703,0 m².

+ Tổng quy mô dân số khoảng 1.600 người, bố trí 414 nền nhà.

+ Trường mẫu giáo quy mô khoảng 131 trẻ và 20 cán bộ, giáo viên.

+ Hệ thống xử lý nước thải có quy mô công suất 180 m³/ngày.

+ Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 108.505.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ năm trăm lẻ sáu triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Dự án đầu tư có tiêu chí thuộc nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND thành phố Châu Đốc, UBND phường Châu Phú A) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 5 năm 2023 đến ngày tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Châu Đốc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- UBND thành phố Châu Đốc (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT thành phố Châu Đốc;
- UBND phường Châu Phú A;
- Lưu: VT,pvphu.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 505/GP-STNMT ngày 15/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của dân cư trong dự án, lưu lượng phát sinh khoảng 160 m³/ngày;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động trường học, lưu lượng phát sinh khoảng 10,125 m³/ngày;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động khu thương mại – dịch vụ, lưu lượng phát sinh khoảng 9,84 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại hố ga HG L30.09 đấu nối vào hố ga hiện hữu thuộc hệ thống thoát nước đô thị nằm trên đường Tân Lộ Kiều Lương thuộc trục giao thông Châu Đốc – Núi Sam, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (Tọa độ vị trí đấu nối xả thải: X= 1182415.333; Y= 537556.202).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải tại hố ga HG L30.09.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1182423.791; Y= 537554.497 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 180 m³/ngày (24 giờ), tương đương 7,5 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Tự chảy sau xử lý;
- Nước thải sau khi qua xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1) dẫn ra hố ga HG L30.09 đấu nối vào hố ga hiện hữu thuộc hệ thống thoát nước đô thị nằm trên đường Tân Lộ Kiều Lương thuộc trục giao thông Châu Đốc – Núi Sam, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, $C_{max} = C$, $K=1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N)	mg/L	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, trường học và công trình thương mại - dịch vụ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được thoát ra hệ thống thoát nước thải nội bộ (mương hở B400, có nắp đan phía sau nhà ở, công trình) và sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án bằng đường cống bê tông cốt thép Ø400.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: bể tự hoại 03 ngăn.

- Vị trí: bể tự hoại 03 ngăn được bố trí riêng lẻ tại nhà ở của từng hộ dân, trường học và khu thương mại – dịch vụ đúng tiêu chuẩn xây dựng theo quy định.

- Quy mô thể tích bể tự hoại: 0,7 m³ của mỗi nhà ở hộ dân, 17 m³ của trường học và 14 m³ của khu thương mại – dịch vụ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống thoát nước thải nội bộ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể Anaerobic → Bể Anoxic → Bể MBBR + Bể Aerobic → Bể lắng → Bể chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Tuyến cống HDPE Ø200 thoát nước thải → Hồ ga HG L30.09 → Hệ thống thoát nước đô thị nằm trên đường Tân Lộ Kiều Lương, thuộc khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Quy mô công suất thiết kế: 180 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng quá trình xử lý nước thải: PAC với khối lượng 2,7-4,5kg/ngày; Chlorine với khối lượng 0,54 – 0,9 kg/ngày; Hóa chất EM sử dụng hạn chế mùi hôi với khối lượng 0,5 lít/ngày.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1) sẽ được thoát ra hồ ga HG L30.09 (Tọa độ X= 1182423.791; Y= 537554.497) bằng tuyến cống HDPE Ø200 với chiều dài 126,7m. Sau đó nước thải được đầu nối thoát vào hồ ga hiện hữu thuộc hệ thống thoát nước đô thị nằm trên đường Tân Lộ Kiều Lương thuộc trục lộ giao thông Châu Đốc - Núi Sam, khóm 8 phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (Tọa độ vị trí đầu nối xả thải: X= 1182415.333; Y= 537556.202). Dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc thống nhất, chấp thuận phương án thoát nước thải tại Công văn số 1071/UBND-KT ngày 21/3/2023.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại;

- Thường xuyên vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật;

- Bố trí người quản lý, theo dõi và vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với các đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố;

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời hay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả;

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra dự án đầu tư để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý;

- Định kỳ phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình để có biện pháp khắc phục kịp thời;

- Trường hợp sự cố vượt quá khả năng lưu chứa nước thải chưa qua xử lý, chủ dự án đầu tư liên hệ với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý nước thải theo quy định để giảm tải áp lực cho hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo không xả thải nước thải chưa xử lý vào nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian 75 ngày (dự kiến từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 9 năm 2024).

+ Công suất vận hành thử nghiệm đạt theo công suất thiết kế.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga thoát nước thải của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án đầu tư phải quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ dự án đầu tư tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ dự án đầu tư thực hiện lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá:

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể gom (nước thải đầu vào, trước xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại hố ga thoát nước thải (nước thải đầu ra, sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải (bể thu gom, bể sinh học kỵ khí, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể lắng, bể chứa bùn) bằng cách phun hóa chất EM.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đô thị nếu có sự cố bất thường, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Châu Đốc), Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 505/GP-STNMT ngày 15/5/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Vị trí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có tọa độ: X= 1182547.83; Y =537464.54 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Yêu cầu: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ;

- Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kì để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra;

- Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), máy thổi khí được cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm;

- Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy;

- Không để máy hoạt động quá tải;

- Bảo dưỡng máy theo định kỳ;

- Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kì để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

- Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực;

- Các dịch vụ vui chơi giải trí sẽ được quản lý chặt chẽ về thời gian khai thác nhất là ban đêm. Nghiêm cấm tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực;

- Trồng các cây xanh quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 505/GP-STNMT ngày 15/5/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Dung môi thải	16 01 01	Lỏng	6
2	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	16 01 05	Rắn/lỏng	7
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	9
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Rắn/lỏng	5,2
5	Chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại		Rắn	7
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	6,2
7	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	6
Tổng khối lượng				46,4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Mã chất thải: 12 06 10) phát sinh khoảng 43,56 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.843,05 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 04 thùng chứa rác bằng nhựa HPDE màu vàng có dung tích 60 lít có bánh xe, có nắp đậy kín (02 thùng để chứa chất thải lỏng nguy hại, 02 thùng để chứa chất thải rắn nguy hại), mỗi thùng chứa có dán nhãn để phân biệt và dán nhãn ảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. *Kho lưu chứa chất thải nguy hại:*

- Kho lưu chứa: diện tích 4 m² (vị trí bố trí tại khu vực nhà điều hành trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải).

- Thiết kế, kết cấu của kho lưu chứa: được xây dựng kín đáo, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng chất thải nguy hại cao nhất theo tính toán; tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; Mái và vách che bằng chắn bằng tôn, cửa ra vào riêng, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Chủ dự án đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 01 bể chứa bùn thải bằng bê tông cốt thép, chống thấm với thể tích 36,784 m³ (kích thước DxRxH: 4,4m x 2,2m x 3,8m).

- Chủ dự án đầu tư phân định, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:*

+ Đối với hộ gia đình, trường học, khu thương mại – dịch vụ: Tự trang bị thùng chứa rác sinh hoạt và thực hiện phân loại rác tại nguồn, cuối ngày tập kết rác tại trước nhà, công trình để chuyển giao đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt tại địa phương.

+ Đối với khu vực công viên: Trang bị 10 thùng chứa rác loại 120 lít (kích thước: 550x490x930mm) có nắp đậy kín và có phân loại màu để người dân phân loại rác thải tại công viên.

2.3.2. *Điểm tập kết rác sinh hoạt:*

- Dự án không xây dựng điểm tập kết rác trong khu dân cư, nhằm hạn chế phát sinh mùi môi từ rác thải trong khu vực dự án đầu tư.

- Rác thải sinh hoạt thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 505/GP-STNMT ngày 15/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Dự án đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 63/QĐ-STNMT ngày 05/3/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang. Các hạng mục này đã được Sở Xây dựng kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công trình tại Văn bản số 4200/SXD-GĐXD ngày 31/12/2019, Văn bản số 718/SXD-GĐXD ngày 16/3/2021. Riêng hạng mục hệ thống cấp điện hoàn thành xây dựng, được Sở Công Thương kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành tại Văn bản số 81/TB-SCT ngày 17/3/2021. Đối với một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 63/QĐ-STNMT ngày 05/3/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.

Hạng mục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày (đầu tư bổ sung cho dự án) đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 05/10/2022, chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường (tiến độ thi công xây dựng từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024 và hoàn thành vào tháng 4 năm 2024 (trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm và chính thức). Sau khi hoàn thành, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh An Giang có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy

theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

5. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Hạ tầng cụm dân cư, quân nhân Bộ đội Biên phòng khu vực biên giới tỉnh An Giang (đính kèm theo) và các quy định về bảo vệ môi trường./.